

Bản án số: 488/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-5-2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29.1/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Duy M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 20/56/3 đường số 08, Phường A, quận B, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 20/56/3 đường số 08, Phường A, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Duy M trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm từ năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyền số 01.94 cấp ngày 19 tháng 12 năm 1994. Quá trình chung sống ông bà có 03 (ba) con chung tên: Võ Thị Thanh Tâm (sinh ngày 03/11/1994), Võ Thị Thanh Thủy (sinh ngày 31/7/1998) và Võ Thị Thanh Thảo (sinh ngày 01/9/2011). Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, lối sống, mâu thuẫn về kinh tế xây dựng cuộc sống gia đình. Hiện ông đã sống ly thân với bà Trâm từ năm 2012. Ông M cho biết từ khi sinh xong đứa con thứ ba ông vừa đi làm vừa phải chăm con, nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân này không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trâm để ông không còn suy nghĩ nhiều nữa, ổn định tâm lý tập trung cho công việc, lo cho con.

Về con chung: Trẻ Võ Thị Thanh Tâm, Võ Thị Thanh Thủy đã trưởng thành nên ông M không có yêu cầu giải quyết, ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ Võ Thị Thanh Thảo đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Trâm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trâm không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Bà Trâm vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Trâm cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu, chứng cứ do bà Trâm cung cấp. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả phiên họp cho bà Trâm được biết. Do bà Trâm vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ông M yêu cầu Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 68, 97, 195, 196 và 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi Quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt, niêm yết văn bản của Tòa cho đương sự đầy đủ, đảm bảo thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn có có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt và không có lý

do nên Tòa án mở phiên tòa xét xử là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông M được ly hôn với bà Trâm.

- Về con chung: Trẻ Võ Thị Thanh Tâm, Võ Thị Thanh Thủy đã trưởng thành, ông M không yêu cầu nên không xem xét. Chấp nhận giao trẻ Võ Thị Thanh Thảo, sinh ngày 01/9/2011 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận việc ông M tự nguyện không yêu cầu bà Trâm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét. Nợ chung đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Võ Duy M có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc Tr. Bà Trâm có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Tr vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do đủ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập, do đó Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 12/5/2020 ông Võ Duy M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Trâm xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01.94 01.9401.94 ngày 19 tháng 12 năm 1994 nên quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà

Trâm được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Duy M, Hội đồng xét xử xét thấy Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có trách nhiệm vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Ông M cho rằng: Trong khoảng thời gian sống chung sau khi kết hôn thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, lối sống, mâu thuẫn về kinh tế xây dựng cuộc sống gia đình. Hiện nay, ông M đã sống ly thân với bà Trâm từ năm 2012. Bản thân ông M vừa lo cho con, vừa lo cho kinh tế gia đình, bà Trâm ít quan tâm chăm sóc các con. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân này không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trâm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trâm không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hay có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, đưa ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện bà Trâm không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông M và cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa bà Trâm lại vắng mặt có thể thấy bà Trâm không có thiện chí về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng nói riêng và đoàn tụ gia đình nói chung. Mặt khác kết quả trả lời xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 11, quận Gò Vấp như sau: “...*Bà Trâm mắc nợ nên bỏ nhà đi, có về nhà vài lần thăm con...*”. Như vậy, thực chất hôn nhân giữa ông M và bà Trâm đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông M là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu được nuôi con của ông M: Do bà Trâm không đến Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Trâm về con chung. Tuy nhiên, căn cứ bản sao giấy khai sinh trẻ Võ Thị Thanh Tâm, số 30, quyển số 95 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, cấp ngày 04/01/1995, bản sao giấy khai sinh trẻ Võ Thị Thanh Thủy, số 233, do Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, cấp ngày 12/8/1998 và bản sao giấy khai sinh trẻ Võ Thị Thanh Thảo, số 388, quyển số 02/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, cấp ngày 06/9/2011 đã thể hiện các trẻ Tâm, Thảo, Thủy là con chung của ông Võ Duy M và bà Huỳnh Thị Ngọc Tr. Hiện trẻ Võ Thị Thanh Tâm, Võ Thị Thanh Thủy đã đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Võ Thị Thanh Thảo hiện đang ở với cha Võ Duy Mẫn, bên cạnh đó kết quả trả lời xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 11, quận Gò Vấp như sau: “...*nếu ly hôn thì ông M có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tốt hơn...*”. Đồng thời, trẻ Thảo có nguyện vọng được ở với cha. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con trẻ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao trẻ Võ Thị Thanh Thảo cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Ông M xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn bà Trâm cũng không gửi văn bản hay có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Duy M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a Khoản 1 điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Duy M được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc Tr (Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01.94, do Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông M và bà Trâm ngày 19 tháng 12 năm 1994 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có ba con chung, trẻ Võ Thị Thanh Tâm (sinh ngày 03/11/1994), Võ Thị Thanh Thủy (sinh ngày 31/7/1998) đã trưởng thành nên không xem xét. Giao cho ông Võ Duy M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Thị Thanh Thảo (sinh ngày 01/9/2011) đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông M không yêu cầu bà Trâm cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trâm có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông M chịu nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025456 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến